

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

Về Việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn D**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, về Việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về Việc tiếp tục phiên tòa số 01/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Kim T** - sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 947 N, tổ 40, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc D** - sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 947 N, tổ 40, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Quốc D xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) - Nay là phường Ủy ban nhân dân H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau, ông D không lo làm ăn, không có trách

nhiệm với vợ con và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi và ông Nguyễn Quốc D có 02 con chung là:

Con thứ nhất: Nguyễn Huỳnh Tường V - sinh ngày 09/5/1997;

Con thứ hai: Nguyễn Huỳnh Khánh D - sinh ngày 12/10/2007.

Nếu ly hôn, tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D, không yêu cầu ông Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D. Riêng con chung Nguyễn Huỳnh Tường V đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành V dân sự nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện tôi khai tôi và ông Nguyễn Quốc D không có tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay tôi khẳng định tôi và ông Nguyễn Quốc D có tài sản chung nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Quốc D trước đây có nợ chung khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Thanh Khê nhưng đã hoàn tất Việc trả nợ và đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Thanh Khê xác nhận tại Giấy xác nhận dư nợ đề ngày 15/8/2022 với nội dung dư nợ “0 đồng”. Ngoài ra tôi và ông Nguyễn Quốc D không nợ cá nhân, tổ chức nào. Do đó đến thời điểm hiện tại thì tôi và ông Nguyễn Quốc D không có nợ chung và cũng không có ai nợ chung vợ chồng tôi.

* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) - Nay là phường Ủy ban nhân dân H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi có ngoại tình nhưng kể từ ngày 15/8/2022 thì tôi đã chấm dứt quan hệ tình cảm ngoài luồng đó. Nay tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T về Việc ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T có 02 con chung là:

Con thứ nhất: Nguyễn Huỳnh Tường V - sinh ngày 09/5/1997;

Con thứ hai: Nguyễn Huỳnh Khánh D - sinh ngày 12/10/2007.

Nếu ly hôn, tôi đồng ý giao con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D cho bà Huỳnh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi theo yêu cầu khởi kiện của bà T, tôi không cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Huỳnh Khánh D. Riêng con chung Nguyễn Huỳnh Tường V đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành V dân sự nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 947 N, tổ 40, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Đã được cấp giấy chứng nhận nhưng do bà T giữ giấy chứng

nhận nên tôi không rõ số và ngày tháng năm của giấy chứng nhận, giá trị tài sản tôi tự định giá là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng); ngoài ra còn có tài sản chung là 02 xe mô tô, cụ thể: 01 xe hiệu Air Blade mang biển kiểm soát 43F1-26526 (không biết giá trị bao nhiêu tiền) và 01 xe hiệu Lead mang biển kiểm soát 43L1-7002 (không biết giá trị bao nhiêu tiền).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án do không hiểu biết pháp luật nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 947 N, tổ 40, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cụ thể tôi yêu cầu chia như sau: Giao bà Huỳnh Thị Kim T được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 947 N, tổ 40, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nhưng bà Huỳnh Thị Kim T phải bồi trả lại cho tôi số tiền 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên tôi khẳng định là tôi không có bất cứ một đồng tiền nào để nộp tiền tạm ứng án phí tranh chấp chia tài sản. Riêng 02 xe mô tô nêu trên thì tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T trước đây có nợ chung khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Thanh Khê nhưng vào chiều ngày 15/8/2022 bà T đã hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Thanh Khê. Ngoài ra tôi và bà Huỳnh Thị Kim T không nợ cá nhân, tổ chức nào. Do đó đến thời điểm hiện tại thì tôi và bà Huỳnh Thị Kim T không có nợ chung và cũng không có ai nợ chung vợ chồng tôi.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn và nuôi con của các đương sự, giao cháu Nguyễn Huỳnh Khánh D - sinh ngày 12/10/2007 cho bà Huỳnh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc D mới yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là không đảm bảo về mặt thủ tục tố tụng để giải quyết chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này của ông Nguyễn Quốc D. Nếu sau này bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D chứng minh được có tài sản chung và có tranh chấp thì có quyền khởi kiện về Việc chia tài sản chung bằng một vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D cùng xác nhận không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D đăng ký kết hôn ngày 05/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) - Nay là phường Ủy ban nhân dân H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện, hôn nhân tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và trong phần thủ tục hỏi tại phiên tòa các đương sự cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận của các đương sự thuận tình ly hôn là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự tại phiên tòa.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D cùng xác nhận có 02 con chung là: Nguyễn Huỳnh Tường V - sinh ngày 09/5/1997 và Nguyễn Huỳnh Khánh D - sinh ngày 12/10/2007. Trong phần thủ tục hỏi tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu

Nguyễn Huỳnh Khánh D cho bà Huỳnh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D. Xét sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ con chung là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về con chung.

Nếu sau này bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D có tranh chấp và khởi kiện về Việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung tại thời điểm con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D chưa đủ 18 tuổi thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Riêng con chung Nguyễn Huỳnh Tường V đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy Việc tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc D mới yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là không đảm bảo về mặt thủ tục tố tụng để giải quyết chia tài sản chung được (như: Điều kiện thụ lý vụ án; xem xét thẩm định tại chỗ tài sản; xác minh; định giá tài sản; hòa giải ...) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của ông Nguyễn Quốc D. Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D trong vụ án này. Nếu sau này bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D có tranh chấp thì có quyền khởi kiện về Việc chia tài sản chung bằng một vụ Việc dân sự khác.

- Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D cùng xác nhận không có nợ chung, không ai nợ chung bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000851 ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 246 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình hôn giữa bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D về Việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D là Nguyễn Huỳnh Khánh D - sinh ngày 12/10/2007 cho bà Huỳnh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Khánh D.

Đối với con chung của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D là Nguyễn Huỳnh Tường V - sinh ngày 09/5/1997 đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành V dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D cùng xác nhận không có nợ chung, không ai nợ chung bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000851 ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- UBND P. H, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương

